UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẤN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:38 /BC-THTT

Thị trấn Tiên Lãng, ngày 9 *tháng* 6 *năm 2025*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

Kính gửi: Phòng Giáo dục & Đào tạo Tiên Lãng.

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 462/GDĐT ngày 13/9/2024 của Phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2024 – 2025;

Trường TH Thị trấn Tiên Lãng đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và báo cáo thường niên năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:

Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng - huyện Tiên Lãng- Hải Phòng

2. Địa điểm trụ sở chính:

Số 1 Ngõ 176, Phố Minh Đức, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Hải Phòng

Địa chỉ thư điện tử: tl-ththitrantienlang@.haiphong.edu.vn.

Website: https://ththitrantienlang.haiphong.edu.vn

3. Loại hình:

Trường Tiểu học công lập. Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiên Lãng.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao. Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại. Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Quá trình thành lập: Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng nằm trên địa bàn Thị trấn Tiên Lãng gồm 2 điểm trường, khu điểm trường Trung tâm nằm trên địa bàn khu 4 (phố Minh Đức) Thị trấn Tiên Lãng và khu điểm trường 2 thuộc địa bàn khu 6 Thị trấn, tổng diện tích 2 khu là 6805 m2 .

Trường được chia tách từ trường Phổ thông cơ sở Thị trấn Tiên Lãng từ ngày 01 tháng 9 năm 1987 thành trường Phổ thông cơ sở cấp 1. Đến ngày 10 tháng 8 năm 2001 do số lớp đông nên được chia tách thành 2 trường Tiểu học và từ năm 2001, trường mang tên là trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng.

Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng là trường công lập do UBND huyện Tiên Lãng thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Thị trấn Tiên Lãng.

Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của phát luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật Người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Bôn

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 1 Ngõ 176, Phố Minh Đức, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Hải Phòng

Số điện thoại: 0942723688

7. Tổ chức bộ máy.

a. Quyết định thành lập trường

Trường được thành lập theo Quyết định số 531/QĐ-UB ngày 01/8/1987 của UBND huyện Tiên Lãng về chia tách PTCS Thị trấn Tiên Lãng thành 2 trường phổ thông cơ sở cấp I và cấp II; Quyết định số 761/QĐ-UB ngày 10 tháng 8 năm 2001 của UBND huyện Tiên Lãng về chia tách trường Tiểu học.

b. Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 về kiện toàn Hội đồng trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng nhiệm kỳ 2020 -2025 và danh sách thành viên hội đồng trường.

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú

1	Nguyễn Ngọc Bôn	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	
2	Vũ Diệu Thủy	Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch CĐ	
3	Nguyễn Thị Huyền	Phó Hiệu trưởng	
4	Phạm Văn Tỵ	Phó Chủ tịch UBND xã Thị trấn Tiên Lãng	
5	Vũ Thị Hướng	Tổ trưởng tổ 1	
6	Nguyễn Thị Thảo	Tổ trưởng tổ 2	
7	Đoàn Thị Hường	Tổ trưởng tổ 3	
8	Nguyễn Thị Én	Tổ trưởng tổ 4	
9	Lê Thị Uyên	Tổ trưởng tổ 5	
10	Nguyễn Thị Mẽ	Tổ trưởng Tổ VP	
11	Nguyễn Trọng Ân	Trưởng ban đại diện CMHS trường	

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng.

* Quyết định Hiệu trưởng.

Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND huyện Tiên Lãng về việc bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Ngọc Bôn Hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Tiến.

Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc bổ nhiệm, điều động cán bộ quản lý ngành giáo dục.

* Quyết định Phó Hiệu trưởng.

Quyết định số 2074/QĐ-UNND ngày 29/9/2020 về việc điều động, bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Huyền phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Minh; Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 về việc điều động, bổ nghiệm cán bộ quản lý ngành giáo dục.

Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 về việc bổ nhiệm có thời hạn bà Vũ Diệu Thủy phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng; Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 về việc bổ nhiệm lại có thời hạn Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

* Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình 3 cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng được thành lập theo được thành lập theo Quyết định số 761/QĐ-UB ngày 10 tháng 8 năm 2001 của UBND huyện Tiên Lãng về chia tách trường Tiểu học. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp.

Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT huyện Tiên Lãng.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

* Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 38 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 52 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn đội: có 18 lớp sao nhi đồng và 12 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số ĐT	Thư điện tử
1	Nguyễn Ngọc Bôn	Hiệu trưởng	0942723688	ngocbonhtn@gmail.com
2	Vũ Diệu Thủy	Phó Hiệu trưởng	0973283958	vudieuthuytlhp@gmail.com
3	Nguyễn Thị Huyền	Phó Hiệu trưởng	0936 567 033	huyenmanh1981@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Số 1 Ngõ 176, Phố Minh Đức, Thị trấn Tiên Lãng, Huyện Tiên Lãng, Hải Phòng Số điện thoại: 0942723688.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 119/QĐ-THTT ngày 7/11/2024 về việc Về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường" năm học: 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp (Tự đánh giá)				Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	53	**0**	**0**	50	0	2	1	5	14	27	0	37	9	0	0	3GV HĐ
I	**Giáo viên**	**46**	0	0	46	0		0	4	13	26	0	34	9	0	0	3GV HĐ
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	**09**	0	0	09	0	0	0	01	02	05	0	08	01	0	0	
1	Tiếng dân tộc	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Ngoại ngữ	**03**	0	0	03	0	0	0	01	01	0	0	02	0	0	0	
3	Tin học	**01**	0	0	01	0	0	0	0	0	01	0	01	0	0	0	
4	Âm nhạc	**02**	0	0	02	0	0	0	0	0	02	0	01	01	0	0	
5	Mỹ thuật	**03**	0	0	03	0	0	0	0	01	02	0	01	02	0	0	
6	Thể dục	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	……..																
II	**Cán bộ quản lý**	**03**	0	0	03	0	0	0	01	01	01	0	03	0	0	0	
1	Hiệu trưởng	**01**	0	0	01	0	0	0	0	01	0	0	01	0	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	**02**	0	0	02	0	0	0	01	0	01	0	02	0	0	0	
III	**Nhân viên**	**04**	**0**	**0**	01	0	01	01									
1	Nhân viên văn thư	01	0	0	0	0	01	0									
2	Nhân viên kế toán	**01**	0	0	01	0	0	0									
3	Thủ quỹ	**0**	0	0	0	0	0	0									

4	Nhân viên y tế	**0**	0	0	0	0	0	0									
5	Nhân viên thư viện	**01**	0	0	0	0	01	0									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	**0**	0	0	0	0	0	0									
7	Nhân viên công nghệ thông tin	**0**	0	0	0	0	0	0									
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	**0**	0	0	0	0	0	0									
9	Bảo vệ	**01**	0	0	0	0	0	01									

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp (Tự đánh giá)

Tổng số cán bộ quản lý và giáo viên: 49 Trong đó BC: 46; HĐH: 03 (trong đó Tốt: 37/46 = 80.5%; Khá 9/46 = 19.5%; Đạt: 0 = 0%.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

Hoàn thành bối dưỡng thường xuyên: 100% trong đó BGH: 03, GV: 43.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**		Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
2	Phòng học kiên cố	30	1.5
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	**Số điểm trường**	2	
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	6.805 m^2	6,6 m^2
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	5005 m^2	4,8 m^2
VI	**Tổng diện tích các phòng**	1800 m^2	
1	Diện tích phòng học (m^2)	60 m^2	1.7 m^2

2	Diện tích thư viện (m^2)	63 m^2	0.06 m^2
3	Diện tích phòng GDTC hoặc nhà đa năng (m^2)	0	0
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)	60 m^2	1.7 m^2
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)	60 m^2	1.7 m^2
6	Diện tích phòng học tin học (m^2)	60 m^2	1.7 m^2
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)	0	0
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)	0	0
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)	30 m^2	0.029 m^2
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị : bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	20	30/30= 1
1.1	Khối lớp 1	07	07/7 = 1
1.2	Khối lớp 2	05	05/5 = 1
1.3	Khối lớp 3	06	06/6= 1
1.4	Khối lớp 4	06	06/6 = 1
1.5	Khối lớp 5	06	06/6 = 1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	**0**
2.1	Khối lớp 1	0	0
2.2	Khối lớp 2	0	0
2.3	Khối lớp 3	0	0
2.4	Khối lớp 4	0	0
2.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	**75**	
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	30	30/30

2	Màn hình tương tác	01	01/30
3	Máy soi vật thể	30	30/30

X	Nhà bếp	200
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	**Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)**	**Số chỗ**	**Diện tích bình quân/chỗ**
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	24 phòng, 1500 m^2	865	1.7 m^2/chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	**Nhà vệ sinh**	**Dùng cho giáo viên**	**Dùng cho học sinh**		**Số m^2/học sinh**	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	00	03	00	0.1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00	00	00	00

*(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYTngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

		Có	**Không**
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

*** Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**

Khối lớp 1

Tên sách	**Tên tác giả**	**Nhà xuất bản**	**Thuộc bộ sách**
Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị	NXB	Kết nối tri thức với cuộc sống

	Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Giáo dục VN	
Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thần (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tỉnh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 1	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối trí thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NBX Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 1 (Phonics - Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quản Lê Duy.	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	

Khối lớp 2

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo Đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống

Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu.Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyến, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mỹ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 2 (Phonics-Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quản Lê Duy.	NXB ĐH Quốc gia Thành phố HCM	

Khối lớp 3

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Than (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền,	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống

	Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.		
Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chù biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chù biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thuỷ (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuỵ Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 3 (Wonderful World)	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên), Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh, Trần Thị Anh Thư.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Bình Minh Group

Khối lớp 4

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp	Nhà xuất bản	Kết nối tri thức với cuộc sống

	Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Giáo dục Việt Nam	
Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 4 (Worlderful World)	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên), Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

Khối lớp 5

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách

Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thuỷ (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuỵ Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 5 (Wonderful World)	Nguyễn Vũ Quỳnh Như (Chủ biên), Trần Thị Thảo Phương, Đặng Thị Cẩm Tú, Trần Thị Thu Sương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

*** Danh mục xuất bản phẩm tham khảo**

Khối	Tên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tập Viết 1, Tập 1, 2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Sách Bài tập Tiếng Việt, Toán Tập 1,2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Sách bài tập Mĩ thuật 1	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Tập Viết 2, Tập 1, 2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Sách Bài tập Tiếng Việt. Toán - Tập 1,2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Sách bài tập Mĩ thuật	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tập Viết 3, Tập 1, 2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Sách Bài tập Tiếng Việt, Toán 3- Tập 1,2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Sách bài tập Mĩ thuật 3	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Sách Bài tập Tiếng Việt, Toán 4- Tập 1,2	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Sách bài tập Mĩ thuật 4	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Sách bài tập Tiếng Anh Phonics- Smart lớp 1	Nguyễn Thu Hiền (chủ biên), Quản Lê Duy	ĐH QG TP Hồ Chí Minh
6	Sách bài tập Tiếng Anh Phonics- Smart lớp 2	Nguyễn Thu Hiền (chủ biên), Quản Lê Duy	ĐH QG TP Hồ Chí Minh

7	Sách bài tập Tiếng Anh Wonderful World lớp 3	Nguyễn Thu Lệ Hằng (chủ biên) Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần	NXB Đại học Sư phạm
8	Sách bài tập Tiếng Anh Wonderful World lớp 4	Nguyễn Thu Lệ Hằng (chủ biên) Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần	NXB Đại học Sư phạm
9	Sách bài tập Tiếng Anh Wonderful World lớp 5	Nguyễn Vũ Quỳnh Như (chủ biên), Trần Thị Thảo Phương, Đặng Thị Cẩm Tú,	NXB Đại học Sư phạm

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

Cụ thể: 1. Đánh giá tiêu chí mức 1,2, và 3.

Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	**Kết quả**				**Nội dung không đạt**
	Không đạt	**Đạt**			
		Mức 1	**Mức 2**	**Mức 3**	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1				x	
Tiêu chí 1.2				x	
Tiêu chí 1.3				x	
Tiêu chí 1.4				x	
Tiêu chí 1.5				x	
Tiêu chí 1.6				x	
Tiêu chí 1.7				x	
Tiêu chí 1.8				x	
Tiêu chí 1.9				x	
Tiêu chí 1.10				x	
Tiêu chuẩn 2					

Tiêu chí 2.1				x	
Tiêu chí 2.2				x	
Tiêu chí 2.3				x	
Tiêu chí 2.4				x	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1	x				Chưa có sân tập TDTT
Tiêu chí 3.2	x				Chưa có thiết bị chuyên biệt phòng học bộ môn dạy ÂN, MT
Tiêu chí 3.3				x	
Tiêu chí 3.4				x	
Tiêu chí 3.5				x	
Tiêu chí 3.6				x	
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1				x	
Tiêu chí 4.2				x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1				x	
Tiêu chí 5.2				x	
Tiêu chí 5.3				x	
Tiêu chí 5.4				x	
Tiêu chí 5.5				x	

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	**Kết quả**		**Nội dung đã đạt**
	Không đạt	**Đạt**	

Tiêu chí 1	KHGD NT chưa được tham khảo của các nước khu vực và thế giới		
Tiêu chí 2		x	Học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.
Tiêu chí 3	Thư viện, phòng đọc chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường, chưa có phòng học thông minh		
Tiêu chí 4		x	Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.
Tiêu chí 5		x	Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2; đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 – 2025

(Kế hoạch số 15/KH-THTT ngày3/6/2024 của trường TH Thị trấn Tiên Lãng)

Đối tượng tuyển sinh: Trẻ 6 tuổi sinh năm 2018, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Có hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) ở xã Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Chỉ tiêu tuyển sinh: Số lớp: 06 lớp - Số HS: 193 học sinh

Thời gian tuyển sinh:

Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: từ ngày 08/7/2024 đến hết 20/7/2024

Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: từ 22/7/2024 đến hết ngày 28/7/2024.

Kết quả tuyển sinh: Năm học 2023-2024 nhà trường tuyển sinh 7 lớp với tổng số học sinh là: 232 em

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024 -2025.

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	1044	209	229	181	216	209
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày**	1044	209	229	181	216	209
III	**Số học sinh khuyết tật học hòa nhập**	6	2	0	1	2	1
IV	**Số học sinh chia theo kết quả giáo dục**						
1	Hoàn thành xuất sắc *(tỷ lệ so với tổng số)*	633 = 60.63%	133 = 63.63%	146 = 63.75%	109 = 60.2%	118= 54.7%	127 = 60.7%
2	Hoàn thành tốt *(tỷ lệ so với tổng số)*	277 = 26.53	55 = 26.3%	57 = 24.9%	50 = 27.6%	68 = 31.5%	47 = 22.5%
3	Hoàn thành *(tỷ lệ so với tổng số)*	133 = 12.74	20 = 9.57%	26 = 11.35%	22 = 12.2	30 = 13.8	35 = 16.8%
4	Chưa hoàn thành *(tỷ lệ so với tổng số)*	01 = 0.1%	1 = 0.47%	0	0	0	0
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**						
1	Số HS hoàn thành chương trình lớp học *(tỷ lệ so với tổng số)*	1043 = 99,9%	208 = 99.5%	229 = 100%	181 = 100%	216 = 100%	209 = 100%

	HS được khen thưởng cấp trường *(tỷ lệ so với tổng số)*	892 = 85.4	184 = 88.0	198 = 86.4	149 = 82.3	187 = 86.5	174 = 83.2
	HS được cấp trên khen thưởng *(tỷ lệ so với tổng số)*	138	18	24	24	29	43
2	Số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học *(tỷ lệ so với tổng số)*	1	0	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Báo cáo kết quả hoạt động tài chính năm 2024

(Ngân sách năm 2024, các khoản thu khác tại đơn vị năm 2024

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	**2**	**3**	**4**	**5=4-3**	**6**
A	**QUYẾT TOÁN THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	**Học phí (nếu có)**				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
1.2	Mức thu				
1.3	Tổng số thu trong năm				
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng([3])				
1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Bổ sung chi lương				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất				

	- Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	- Chi khác				
1.7	Số dư cuối năm				
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
2.1	**Quản lý ngoài giờ chính khóa**	**969**	**969**	100%	100%
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
2.1.2	Mức thu : 7.000đ/ tiết				
2.1.3	Tổng số thu trong năm	969	969		
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	969	969		
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[(3)]	969	969		
2.1.6	Số chi trong năm	969	969		
	Trong đó: - Chi cho giáo viên	707	707		
	- Chi nộp thuế	19	19		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	175	175		
	- Chi BV,PV	19	19		
	- Chi hỗ trợ CSVC	49	49		
2.1.7	Số dư cuối năm	0	0		
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**				
3.1	**……**				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				

3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [3]				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: - …….				
	- ……..				
	- …….				
3.1.6	Số dư cuối năm				
	……				
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú….** *(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
4.1.	**chăm sóc bán trú**	**834**	**834**	100%	100%
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.1.2	Mức thu : 100.000đ/ tháng				
4.1.3	Tổng số thu trong năm	834	834		
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	834	834		
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng[3]	834	834		
4.1.6	Số chi trong năm	834	834		
	Trong đó: - Chi cho người chăm ăn, trông trưa	609	609		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	150	150		
	- Chi nộp thuế	17	17		
	- Chi phục vụ, giám sát	33	33		
	- Chi phúc lợi	25	25		
	Số dư cuối năm	0	0		
4.2.	**Trông giữ xe**	**38**	**38**	100%	100%
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.2.2	Mức thu 20.000đ/tháng				
4.2.3	Tổng số thu trong năm	38	38		

4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	38	38		
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(3)	38	38		
4.2.6	Số chi trong năm	38	38		
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	25	25		
	- Chi quản lý BGH, quản lý quỹ	5	5		
	- Chi hỗ trợ CSVC	4	4		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	4	4		
4.2.7	Số dư cuối năm				
	……				
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học…***(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây*				
5.1	**Tiếng Anh yếu tố nước ngoài**	**1,091**	**1,091**	100%	100%
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu : 35.000đ/ tiết				
5.1.3	Tổng số thu trong năm	1,091	1,091		
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1,091	1,091		
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(3)	1,091	1,091		
5.1.6	**Số chi trong năm**	1,091	1,091		
	Trong đó: - Chi nộp công ty	917	917		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo…..	174	174		
5.1.7	Số dư cuối năm				
	Kĩ năng sống	**310**	**310**	100%	100%
	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
	Mức thu : 10.000đ/ tiết				
	Tổng số thu trong năm	310	310		

	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	310	310		
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(3)	310	310		
	Số chi trong năm	310	310		
	Trong đó: - Chi nộp công ty	260	260		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	50	50		
	Số dư cuối năm	0	0		
	Tiếng Anh Fonic				
	Số dư năm trước chuyển sang				
	Mức thu : 0đ/ tháng				
	Tổng số thu trong năm				
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(3)				
	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi nộp công ty				
	- Chi nộp ngân sách NN				
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo…..				
	Số dư cuối năm				
	……				
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, …..** (Nếu có: *Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
6.1	**BHYT**	**875**	**875**	100%	100%
6.1.1	Số học sinh	955	955		
6.1.2	Mức thu lớp 1 là 1,105,650đ, lớp 2-5 là 884.520đ				
6.1.3	Tổng thu	875	875		
6.1.4	Đã chi	875	875		
6.1.5	Dư	**0**	**0**		
6.2	**Vòng tay bè bạn(đội, tin nhắn, trải nghiệm)**	**203**	**203**	100%	100%
	Số học sinh	203	203		

	Mức thu : tùy vận động	203	203		
	Tổng thu	203	203		
	Đã chi	203	203		
	Dư	**0**	**0**		
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**		,		
1	**Chi sự nghiệp …….**				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	**Chi quản lý hành chính**				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	44	44	100%	100%
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng Anh nước ngoài	3	3		
4	Học kỹ năng sống	1	1		
5	Trông giữ xe	4	4		

6	Tiếng anh yếu tố nước ngoài				
7	Quản lý ngoài giờ	19	19		
8	chăm sóc bán trú	17	17		
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	11,720	11,720	100%	100%
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	11,720	11,720		
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**11,720**	**11,720**	58%	58%
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**11,720**	**11,720**		
	Chi thanh toán cá nhân	4,150	4,150		
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	367	367		
	Chi mua sắm sửa chữa	150	150		
	Chi khác	156	156		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**0**	**0**		
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
II	**Nguồn viện trợ**				
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				

1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác giáo dục STEM

* Công tác chỉ đạo.

Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã lan tỏa chương trình tập huấn STEM cho GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá nhân trong quá trình học tập.

Xây dựng Kế hoạch ngay từ đầu năm cho tổ chuyên môn. Yêu cầu mỗi giáo viên lập kế hoạch bộ môn có sự phê duyệt của BGH.

* *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua nhà trường đã chỉ đạo lên lớp 25 tiết dạy học STEM với nhiều sản phẩm phong phú.

* *Những tồn tại hạn chế:* Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

2. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

* Công tác chỉ đạo.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

* *Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

* *Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng tinh giản nên việc một số bộ phận phụ trách còn chồng chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024 – 2-25 của trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng, nhà trường công khai đến Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025 - 2026./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GDĐT;
- BCĐ thực hiện công khai;
- Trang Web nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Bôn